

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6 - 2020

“V/v: *chị N ly hôn anh S*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Công

Ông Trần Văn Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn S, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, xã M, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 16 phân trại số 3, trại giam số 5 - Cục C10 - Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2020, bản tự khai chị Trịnh Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn S đăng ký kết hôn ký hôn ngày 26 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh S ham chơi, phá phách, nghiện ma túy không chăm lo đến gia đình. Năm 2013 anh S xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hiện đang chấp hành án phạt tù tại

đội 16, phân trại số 03, trại giam số 05, xã Lam Sơn, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn S có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012 và Trần Văn T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2020, anh Trần Văn S trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị N kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2010. Quá trình chung sống của vợ chồng từ khi kết hôn đến nay diễn ra bình thường không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân mâu thuẫn theo suy nghĩ của anh là do anh vi phạm pháp luật và đang chấp hành án phạt tù nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị N đề nghị ly hôn. Thời điểm vợ chồng sống ly thân là từ khi anh phạm tội khoảng ngày 14 tháng 10 năm 2013 đến nay. Quan điểm của anh về việc ly hôn là do anh đang chấp hành án vì vậy mong muốn của anh là sau khi chấp hành án xong sẽ giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị N có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh N sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012 và Trần Văn T sinh ngày 24 tháng 4 năm 2014. Quan điểm của anh về nuôi con là khi anh hết án tù về với xã hội tôi sẽ nhận nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N.

Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Trần Văn S.

Giao cháu Trần Thị Thanh N sinh ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Trần Văn T sinh ngày 24 tháng 4 năm 2020 cho chị Trịnh Thị N nuôi dưỡng. Anh S được quyền nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Trần Văn S hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể có mặt và anh có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định giải quyết vụ án vắng mặt anh trong tất cả các giai đoạn tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy, chị Trịnh Thị N và anh Trần Văn S kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định ngày 26 tháng 10 năm 2010. Hôn nhân giữa chị N và anh S hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu khi kết hôn chị N, anh S sống vui vẻ, hoà thuận hạnh phúc. Nhưng do anh S chơi, không chịu làm ăn, giúp đỡ gia đình và còn mắc tệ nạn xã hội là nghiện ma túy đã bị Tòa án xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Hai bên không có sự chia sẻ, quan tâm nhau trong cuộc sống. Như vậy có thể thấy rằng tình trạng vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích chung không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N đối với anh Trần Văn S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Trần Văn S xác nhận có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012 và Trần Văn T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, chị N đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quan điểm khi anh S hết án về với xã hội sẽ nhận nuôi hai con. Xét về điều kiện chăm lo cho con chung của chị N và anh S thấy rằng: Anh S đang chấp hành án tại trại giam số 05 xã Lam Sơn, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá không có khả năng chăm sóc con chung. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với mẹ. Cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu Trần Thị Thanh N và cháu Trần Văn T cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh S đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án;

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Trần Văn S

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Trần Thị Thanh N sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012 và Trần Văn T sinh ngày 24 tháng 4 năm 2014. Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc theo biên lai số AA/2017/0001495 ngày 05 tháng 3 năm 2020.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày: Chị Trịnh Thị N có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn S có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công